

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL**

**THÁNG 04 NĂM 2011**

# ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL

Điều lệ **CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL** (“**Công ty**”) được lập căn cứ theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam do Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông đã được ban hành một cách hợp lệ.

Điều lệ này gồm 54 điều, được chia thành 17 chương sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty. Điều lệ này thay thế bản Điều lệ hiện tại của Công ty đã được thông qua bởi các cổ đông của Công ty vào ngày 10 tháng 01 năm 2011 và toàn bộ các Điều lệ sửa đổi và bổ sung sau đó.

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

“**Công ty**” là gọi tắt của Công ty Cổ phần Vinpearl.

“**Công ty Con**” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả Thành viên Hội đồng quản trị hoặc (Tổng) giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ.

“**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.

“**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là phần vốn mà các Cổ đông đóng góp theo quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

“**Luật Doanh nghiệp 2005**” hay “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng Khoán được Quốc Hội nước Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, cũng như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**Ngày thành lập**” là ngày 26 tháng 7 năm 2006, ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần.

“**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty.

“**Cán bộ Quản lý**” có nghĩa là các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các nhân viên khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.

“(các) **Cổ phần**” có nghĩa là (các) Cổ phần Phổ thông và (các) Cổ phần Ưu đãi (nếu có).

“(các) **Cổ đông**” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào mà (i) tên của họ và các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ phần và (ii) Cổ phần của họ đã được thanh toán.

“**Sổ Đăng ký cổ đông**” có nghĩa là Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

“**BKS**” có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty.

“**Đại diện theo ủy quyền**” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.

“**Người được ủy quyền tham dự họp**” là người được ủy quyền bởi Cổ đông là cá nhân, Đại diện theo ủy quyền hoặc Cổ đông là tổ chức, trong trường hợp Cổ đông này chưa có Đại diện theo ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

“**Người có liên quan**” có nghĩa như được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán, tùy từng trường hợp.

“**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán mà tại đó cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty được niêm yết để giao dịch.

“**Thời hạn**” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty được quy định tại Điều 2.6 của Điều lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi nghị quyết của ĐHĐCĐ.

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước CHXHCN Việt Nam.

**Điều 2: Hình thức, Tên gọi, Trụ sở Công ty**

1. Công ty thuộc hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tên gọi của Công ty:
  - Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL**
  - Tên giao dịch: **VINPEARL JOINT STOCK COMPANY**
  - Tên viết tắt: **VINPEARL JSC**
  - Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Vinpearl tại Tp. Hồ Chí Minh.
3. Địa chỉ trụ sở chính:
  - Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể, theo nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của pháp luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty.



6. Tùy thuộc vào việc chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 47, thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn.

**Điều 3. Ngành nghề kinh doanh**

1. Công ty hoạt động nhằm mục đích:
- (a) Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và bất động sản tại Việt Nam;
  - (b) Tạo lợi nhuận cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.
2. Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:
- (i) Quảng cáo;
  - (ii) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
  - (iii) Hoạt động của các cơ sở thể thao;
  - (iv) Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
  - (v) Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
  - (vi) Kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch, nhà hàng ăn uống;
  - (vii) Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
  - (viii) Hoạt động biểu diễn nghệ thuật. Kinh doanh vũ trường. Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. Hoạt động vui chơi giải trí khác.
  - (ix) Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao: tennis, leo núi, lướt dù trên biển, canô, thuyền buồm, thuyền chèo, lướt ván, mô tô trượt nước;
  - (x) Chiếu phim điện ảnh và phim video;
  - (xi) Dịch vụ giặt, là;
  - (xii) Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (không gây chảy máu);
  - (xiii) Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt;
  - (xiv) Vận tải hành khách đường bộ;
  - (xv) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - (xvi) Vận tải hành khách đường thủy;
  - (xvii) Vận tải hàng hóa bằng đường thủy;
  - (xviii) Mua bán thực phẩm tươi sống và chế biến, bia rượu, thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Bán hàng lưu niệm và hàng bách hóa cho khách du lịch;
  - (xix) Mua bán vật tư ngành in, bao bì đóng gói thực phẩm;

- (xx) Môi giới thương mại;
- (xxi) Nuôi trồng thủy sản;
- (xxii) Trồng rừng;
- (xxiii) Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống;
- (xxiv) Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- (xxv) Kinh doanh vận tải hành khách bằng cáp treo;
- (xxvi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- (xxvii) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- (xxviii) Đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe

Khi cần thiết, ĐHĐCĐ Công ty quyết định về việc chuyển hay mở rộng các ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG II

### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Quyền của Công ty

Công ty có quyền:

1. Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công ty.
2. Trong trường hợp Luật pháp không cấm, cấp vốn cho các công ty con, các công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ thoả mãn nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.
3. Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các công ty con (nếu có) để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
4. Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị pháp luật cấm; mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường.
5. Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các công ty con (nếu có) và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty.
6. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.

7. Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.
8. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế với các khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi pháp luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của pháp luật.
10. Sử dụng vốn và quỹ của Công ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
11. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật pháp. Phụ thuộc vào phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của Luật pháp, Công ty có thể chào bán chứng khoán của mình để niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
12. Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
13. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của nhà nước và quyết định của HĐQT.
14. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
15. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
16. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu để giúp đỡ Công ty.
17. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Nhà nước.
18. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp và ký kết các thỏa thuận, văn bản và văn kiện hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty.
19. Các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Công ty**

Công ty chịu trách nhiệm:

1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký.

2. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
3. Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
4. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định pháp luật.
5. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo tài chính của Công ty.
6. Thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
8. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của Công ty.

### CHƯƠNG III

#### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

##### Điều 6. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **2.054.984.890.000 đồng**, được quy định tại **Phụ lục 1** kèm theo Điều lệ này. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Luật pháp và **Phụ lục 1** được điều chỉnh phù hợp để phản ánh việc tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ đó.
2. Vốn Điều lệ được chia thành các Cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là **10.000 VNĐ (Mười ngàn Việt Nam đồng)**. Trừ trường hợp có việc phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào của Công ty theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty chỉ bao gồm các cổ phần phổ thông.
3. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định phát hành tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT sẽ quyết định thời gian, phương thức, giá cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán. Giá của cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
  - (a) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công ty;
  - (b) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng

chiết khấu phải được các Cổ đông đại diện cho 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết phê chuẩn;

- (c) Cổ phần phát hành cho nhân viên Chương trình Phát hành cổ phần Ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ quyết định; hoặc
- (d) Các trường hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ phần phổ thông mới nào dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số lượng Cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 87 của Luật Doanh nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để cổ đông đăng ký mua (tối thiểu hai mươi ngày làm việc). Các cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán các cổ phần đó tới những người thích hợp, theo các điều khoản và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, song không được chào bán với các điều kiện ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua thị trường giao dịch chứng khoán.

4. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Công ty có quyền phát hành trái phiếu bảo đảm hoặc trái phiếu không bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng nhận trái phiếu (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.
7. Vốn Điều lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các cổ đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật sẽ được áp dụng.
8. Tuân thủ pháp luật và các quy định của Việt Nam điều chỉnh việc niêm yết tại nước ngoài, cũng như các quy chế và quy định của sở giao dịch chứng khoán nước ngoài

trong trường hợp Công ty chào bán chứng khoán của mình để niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

**Điều 7. Quyền và trách nhiệm của các Cổ đông**

1. Người sở hữu Cổ phần Phổ thông được gọi là Cổ đông phổ thông.
2. Các Cổ đông Phổ thông có quyền:
  - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ phần Phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - (b) Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - (c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới phát hành của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình trong Công ty;
  - (d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;
  - (e) Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - (g) Trong trường hợp Công ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ đông Ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật pháp;
  - (h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 90 Luật Doanh nghiệp; và
  - (i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
3. Một cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ hơn 10% tổng số Cổ phần Phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 và 4 của Điều này còn có các quyền sau:
  - (a) Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;
  - (b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
  - (c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;

- (d) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Điều 79.3 Luật Doanh nghiệp;
- (e) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 79.2(d) Luật Doanh nghiệp; và
- (f) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các Cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:
- (a) Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
- (b) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;
- (c) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- (d) Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
- (e) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty;
- (f) Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- (g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- (a) Vi phạm pháp luật;
- (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Cổ phần Phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần Ưu đãi.
7. Cổ đông sáng lập  
Công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn, do đó không có cổ đông sáng lập.
8. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Luật pháp; Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và

số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Luật pháp, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

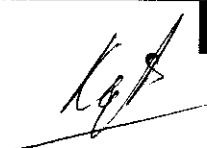
- (a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;
- (b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty;
- (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại diện theo ủy quyền;
- (d) Số cổ phần Đại diện theo ủy quyền được ủy quyền đại diện;
- (e) Thời hạn được ủy quyền của Đại diện theo ủy quyền; và
- (f) Họ, tên, và chữ ký của Đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Trong phạm vi quy định của Luật pháp, Công ty phải gửi thông báo về Đại diện theo ủy quyền được quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

9. Cổ Đông có nghĩa vụ công bố thông tin phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **Điều 8. Cổ phần Ưu đãi**

1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty có quyền phát hành các loại Cổ phần Ưu đãi. Cổ phần Ưu đãi gồm các loại sau đây:
  - (a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
  - (b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
  - (c) Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ hoặc Luật pháp quy định.
2. Người sở hữu Cổ phần Ưu đãi được gọi là Cổ đông Ưu đãi. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông ưu đãi đối với từng loại Cổ phần Ưu đãi sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ phần Ưu đãi có thể được chuyển đổi thành Cổ phần Phổ thông phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.
4. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, bất kỳ Cổ đông Ưu đãi muốn chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi thành Cổ phần Phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản tới Công ty nêu rõ số lượng Cổ phần Ưu đãi mà Cổ đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ phần Phổ thông. Công ty sẽ chuyển đề nghị này tới ĐHĐCĐ trong vòng bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.
5. Khi nhận được nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ đông Ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công ty Chứng chỉ Cổ phiếu liên quan tới số Cổ phần sẽ được chuyển đổi, và Công ty sẽ phát hành Chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ

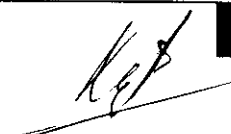


Đăng ký Cổ đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ phần Phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ phần Phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông.

6. Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ phần Ưu đãi sẽ xếp hạng là cùng một loại thống nhất như các Cổ phần Phổ thông đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển đổi đó.
7. Một Cổ đông Ưu đãi có các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, bao gồm cả quyền chuyển nhượng Cổ phần Ưu đãi cho người khác với điều kiện là Cổ đông Ưu đãi Biểu quyết không được chuyển bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết nào đang nắm giữ.

#### **Điều 9. Chứng chỉ Cổ phiếu**

1. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một giấy chứng chỉ cổ phiếu.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành và ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp của Công ty, được đóng dấu của Công ty theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của cổ đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Tùy thuộc vào quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sở Đăng ký cổ đông đối với bất kỳ Cổ phần và loại cổ phần nào, đều có quyền yêu cầu được nhận một chứng chỉ cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (2) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
4. Trường hợp có sự chuyển nhượng của một số cổ phần trong các Cổ phần được quy định trong một chứng chỉ cổ phiếu, thì chứng chỉ cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bởi một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công ty giấy chứng nhận cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công ty theo quyết định của HĐQT.
6. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó.
7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty (không phải là các thư chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy



- định khác, phải được ban hành với con dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
8. Liên quan tới Cổ phần Ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 82 và 83 Luật Doanh nghiệp.
  9. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
  10. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ đăng ký Cổ đông liên quan tới bất kỳ Cổ đông nào, thì Cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ đông lưu ký để Công ty/ Công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông.

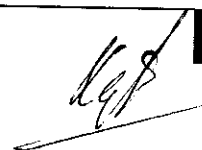
Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ đông do địa chỉ của Cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ đông, gửi tài liệu cho Cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

## CHƯƠNG IV

### CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

#### **Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp: (i) quy định tại khoản 4 Điều này và; (ii) Luật pháp có quy định khác và; (iii) ĐHĐCĐ có quyết định hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong đợt phát hành/chào bán cổ phần của Công ty.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng cổ phần đã được đăng ký trong Sổ Đăng ký cổ đông sau khi hoàn tất việc thanh toán. Chỉ các Cổ đông có tên trong Sổ Đăng ký cổ đông mới được coi là Cổ đông hợp pháp của Công ty.
3. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Khi một Cổ đông trong Công ty bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, phần vốn góp trong Công ty sẽ được thừa kế theo qui định của pháp luật. Nếu có nhiều thừa kế

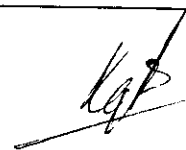


cùng hưởng chung phần vốn góp thì các đồng thừa kế phải cử ra một đại diện sở hữu duy nhất đứng ra giao dịch với Công ty để nhận di sản thừa kế bằng thủ tục công chứng thư. Nếu không thống nhất được người đại diện thì Hội đồng quản trị xem xét, quyết định, phù hợp với lợi ích của Công ty và pháp luật. Trong trường hợp đó, phần vốn góp của cổ đông đó có thể được Công ty mua lại hoặc được chuyển nhượng cho người khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Công ty sẽ không tham gia xử lý tranh chấp của những người được hưởng thừa kế.

6. Khi một Cổ đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới cổ phần của cổ đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Luật pháp.

#### **Điều 11. Thu hồi Cổ phần**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn của Cổ phần, thì HĐQT có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, gửi thông báo tới cổ đông đó yêu cầu thực hiện ngay việc thanh toán khoản tiền chưa thanh toán đó cộng với tiền lãi cộng dồn trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh mà Công ty phải chịu do việc không thanh toán đúng hạn gây ra.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (không ít hơn 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán được yêu cầu phải hoàn tất, và sẽ quy định rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo nội dung thông báo, thì số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện, bất kỳ Cổ phần nào liên quan tới thông báo đó, tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản chưa được thanh toán, sẽ bị thu hồi theo nghị quyết của HĐQT. Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với Cổ phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp thuận việc giao nộp lại các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp lại sẽ bị chấm dứt tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty mọi khoản tiền tính cho tới ngày thu hồi hoặc giao nộp cho số cổ phần đó, cùng với tiền lãi do HĐQT xác định kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho tới ngày thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc miễn trừ toàn bộ hoặc một phần việc thanh toán số tiền đó.



6. Khi Cổ phần đã bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi cho người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Điều 12. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của các Cổ đông**

1. Các cổ đông biểu quyết phản đối các quyết định về tổ chức lại Công ty hoặc các quyết định thay đổi các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông đó, số lượng Cổ phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong đoạn này.
2. Công ty sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của Cổ phần đó.
3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, HĐQT có thể tham vấn một công ty kiểm toán chuyên nghiệp hoặc một bên thích hợp cho mục đích xác định giá phù hợp với các quy định của Pháp luật. Giá bán của Cổ phần sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Công ty. Trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ đông đó không phản đối, thì giá bán sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Cổ đông đó phản đối, thì Cổ đông đó phải gửi văn bản tới Công ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó Công ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định, và chấm dứt tất cả các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đó liên quan tới Công ty. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ đông đó có thể đưa vụ việc ra giải quyết theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này.

**Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ phần đã được bán ra, hoặc một phần hoặc toàn bộ các cổ phần loại khác đã được bán ra, theo các quy định dưới đây:
2. Việc mua lại hơn mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần đã bán ra phải được quyết định bởi ĐHĐCĐ. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần phải được quyết định bởi HĐQT.
3. HĐQT sẽ xác định giá mua lại Cổ phần phổ thông. Giá mua lại của cổ phần phổ thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Công ty gửi đề nghị mua lại tới tất cả các Cổ đông để mua lại lượng cổ phần tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần mà họ nắm giữ. Giá mua lại cho các loại cổ phần khác phải không được thấp hơn giá thị trường, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công ty và Cổ đông.

4. Công ty có thể mua lại cổ phần của mỗi Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần tương ứng của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, Công ty phải gửi một thông báo về quyết định mua lại cổ phần tới tất cả các Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt. Thông báo phải có các thông tin như tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần được Công ty mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn các cổ đông phải trả lời Công ty.
5. Các Cổ đông chấp nhận đề nghị của Công ty sẽ phải trả lời bằng văn bản gửi về Công ty trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc theo thời hạn nêu trong thông báo của Công ty kể từ ngày nhận được thông báo về việc mua lại cổ phần của Công ty.

**Điều 14. Thời hạn thanh toán và Từ chối mua lại Cổ phần**

1. Công ty sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều 12 và 13 nói trên cho các Cổ đông nếu sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các cổ phần được mua lại, Công ty vẫn có khả năng đảm bảo chi trả mọi khoản nợ và trách nhiệm tài sản khác.
2. Tất cả số Cổ phần được mua lại theo Điều 12 và 13 nói trên sẽ được coi như là Cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Khi thực hiện thanh toán đầy đủ cho việc mua lại cổ phần, nếu tổng giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho số cổ phần mua lại.

**CHƯƠNG V**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

**Điều 15. Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công ty**

Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công ty như sau:

- (a) Đại Hội đồng Cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"). ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và sẽ, không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty;
- (b) Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**"). HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, và được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị và điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về việc quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông;

- (c) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó;
- (d) Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động và quản lý của Công ty.

## CHƯƠNG VI

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 16. Quyền hạn của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và, không bị giới hạn và ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng hoặc không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.
3. Cùng với và không bị ảnh hưởng bởi các quyền khác của các Cổ đông và/hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật, ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và quyết định các vấn đề sau:
  - (a) Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; báo cáo của HĐQT; báo cáo của BKS; kế hoạch kinh doanh hàng năm; kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  - (b) Đưa ra các quyết định về loại Cổ phần và số lượng của từng loại Cổ phần chào bán; đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
  - (c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật pháp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
  - (d) Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
  - (e) Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
  - (f) Quyết định việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT Công ty;
  - (g) Quyết định chế độ trợ cấp cho các thành viên HĐQT và BKS (nếu có);
  - (h) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ theo kết quả chào bán hoặc do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán. Việc điều chỉnh Vốn Điều lệ trong trường hợp này sẽ do HĐQT quyết định.

*[Handwritten signature]*

- (i) Xem xét các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
  - (j) Quyết định bất kỳ giao dịch nào về đầu tư hoặc bán tài sản có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
  - (k) Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - (l) Phê duyệt việc Công ty nộp đơn để thanh lý, giải thể hoặc tái tổ chức theo Luật phá sản, chỉ định người thanh lý hoặc các hành động tương tự;
  - (m) Phê duyệt việc công bố hoặc thanh toán cổ tức hoặc các phân chia khác theo đề nghị của HĐQT;
  - (n) Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:
- (a) Các hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này, nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - (b) Việc mua Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.

#### **Điều 17. Cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm tại Việt Nam do HĐQT xác định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Luật pháp và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - (a) HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công ty và thông báo với HĐQT;
  - (b) Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo 6 tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng số Vốn Điều lệ của Công ty đã mất đi một nửa;
  - (c) Khi số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng quy định bởi Luật pháp hoặc ít hơn một nửa số lượng quy định tại Điều lệ này;
  - (d) Một Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Điều 7.3 có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích của buổi họp, được ký bởi

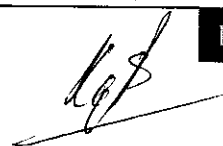


các cổ đông đó (và đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các cổ đông đó); và

- (e) BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 108 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên.
3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại khoản 17.2 (c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại 17.2(d), (e) của Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ triệu tập cuộc họp các Cổ đông. Nếu BKS không triệu tập được cuộc họp đó, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có quyền thay thế HĐQT, BKS có quyền thay thế triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các cổ đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 18. Ủy quyền**

1. Các Cổ đông dù tư cách tham dự ĐHĐCĐ có thể tham gia họp trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông. Người được Cổ đông ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền.
2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo một mẫu thông dụng hoặc theo mẫu mà HĐQT có thể phê duyệt, và:
- (a) Trong trường hợp là cá nhân, thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; và
- (b) Trong trường hợp là tổ chức, thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu hoặc ký bởi người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- (c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Giấy ủy quyền sẽ được gửi tới địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng ít nhất là 48 tiếng trước khi tổ chức cuộc họp hoặc cuộc họp mà trước đây đã bị hoãn mà người có tên trên văn bản đó phải có mặt để biểu quyết. Giấy ủy quyền được coi là gửi tới Công ty một cách hợp lệ nếu được gửi tới số fax tại địa chỉ văn phòng được đăng ký của Công ty hoặc tới số fax hoặc thư điện tử tại địa chỉ nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp.



4. Phiếu biểu quyết của một người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
  - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
  - (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trong trường hợp nhiều Cổ đông và/hoặc Đại diện theo ủy quyền của một Cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cùng một Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp và biểu quyết nhân danh mình tại Đại hội đồng cổ đông thì Người được ủy quyền dự họp đó có thể bỏ phiếu biểu quyết theo những ý kiến khác nhau của các Cổ đông và/hoặc các Đại diện theo ủy quyền đã ủy quyền cho mình.

#### **Điều 19. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, Chương trình và Thông báo**

1. ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định của Điều 17.3 được áp dụng.
2. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:
  - (a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại cuộc họp, chương trình họp, và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;
  - (b) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và
  - (c) Gửi thông báo họp cho các Cổ đông.
3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ



- vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông
4. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Điều 7.3 của Điều lệ này có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
  5. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo khoản 4 của Điều này nếu:
    - (a) Đề nghị không được gửi đến đúng hạn, không đủ, không đúng nội dung;
    - (b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
    - (c) Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu, và
    - (d) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua nghị quyết.
  6. HĐQT phải soạn thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;
  7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

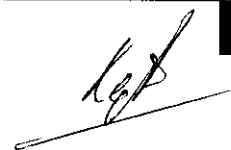
**Điều 20. Điều kiện triệu tập và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
2. ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải có thể được triệu tập lại trong vòng



hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

3. Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.
4. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
  - (a) có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
  - (b) có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.
5. Thể thức tiến hành họp:
  - (a) Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
  - (b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ thông qua phương án biểu quyết khác, khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu tối thiểu là ba người. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính và theo Quy chế biểu quyết được thông qua tại Đại hội.
  - (c) Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.




- (d) ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì trừ trường hợp quy định tại khoản 20.1 của Điều này.
- (e) Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- (f) Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (i) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (ii) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (iii) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- (g) Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 20.5.(f) của Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- (h) Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- (i) HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- (j) HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- (i) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
  - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - (iii) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

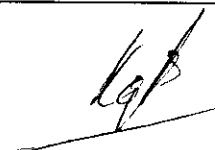
- (k) Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
- (i) Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
  - (ii) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- (l) Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
- (m) Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 21. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định của mình bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:
  - (a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản (b) dưới đây của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
  - (b) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 65% hoặc



75% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

4. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

#### **Điều 22. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ**

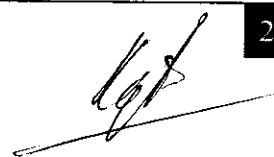
1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lưu trong sổ Biên bản của Công ty. Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy ĐKKD của Công ty;
- (b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- (c) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
- d) Chủ tọa và thư ký;
- (e) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- (f) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại buổi họp, số lượng các phiếu nhất trí, phiếu không nhất trí, phiếu không có ý kiến, và các vấn đề được thông qua;
- (g) Tổng số phiếu của các Cổ đông có mặt tại cuộc họp;
- (h) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề; và
- (i) Tên đầy đủ, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp và gửi tới các cổ đông trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc và biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Anh, có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận của các cổ đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ**

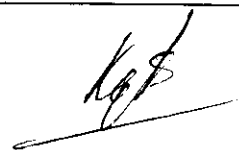
Các cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 107, Luật Doanh nghiệp.



**CHƯƠNG VII**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 110 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Thành viên của HĐQT có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu một thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế. Việc thay thế thành viên của HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, bảo đảm rằng có ít nhất 1/3 số thành viên là các thành viên của nhiệm kỳ trước. Trong trường hợp đặc biệt, vấn đề này có thể được quyết định bởi ĐHCĐ.
4. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định của Pháp luật. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên của HĐQT trong các trường hợp sau:
  - (a) Nếu thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - (b) Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo trước hợp lý bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công ty;
  - (c) Nếu thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT nhận thấy rằng thành viên đó không còn đủ năng lực hành vi;



- (d) Nếu thành viên đó trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, vắng mặt mà không có sự cho phép của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, và HĐQT quyết định vị trí của thành viên đó bị bỏ trống.
  - (e) Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Quyết định của ĐHĐCĐ.
6. Trong phạm vi pháp luật cho phép, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 25. Quyền và trách nhiệm của HĐQT**

1. Hoạt động kinh doanh và đối ngoại của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của HĐQT. HĐQT là cơ quan quyền lực đại diện cho Công ty trong mọi việc, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý của Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Luật pháp, Điều lệ này, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - (a) Quyết định chiến lược phát triển, và chuẩn bị kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;
  - (b) Hoạch định chiến lược và các mục tiêu hoạt động theo mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra;
  - (c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - (d) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về Cán bộ Quản lý cũng như quyết định chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý liên quan chống lại Cán bộ Quản lý đó;
  - (e) Đề xuất các loại Cổ phần và tổng số Cổ phần phát hành theo từng loại;
  - (f) Quyết định việc mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng;
  - (g) Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người nắm giữ mua cổ phần với mức giá đã được ấn định trừ trường hợp Luật pháp có quy định khác
  - (h) Quyết định giá chào bán của từng loại cổ phần, trái phiếu và chứng khoán có thể chuyển đổi;
  - (i) Quyết định huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật;



- (j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc bất kỳ Cán bộ Quản lý quan trọng khác của Công ty nếu xét thấy vì lợi ích tối cao của Công ty, nhưng việc miễn nhiệm đó sẽ không được trái các quyền theo hợp đồng của các người bị miễn nhiệm nếu có;
  - (k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý quan trọng của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các Cán bộ Quản lý theo đề xuất của Tổng Giám đốc;
  - (l) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - (m) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - (n) Đề xuất việc tái cơ cấu tổ chức hoặc giải thể Công ty;
  - (o) Các quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, của Luật pháp và quyết định của ĐHCĐ.
4. Những vấn đề sau phải được HĐQT phê chuẩn:
- (a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - (b) Thành lập công ty thành viên của Công ty;
  - (c) Trong phạm vi các quy định tại Điều 108 của Luật Doanh nghiệp, các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm cả các hợp đồng chuyên nhượng, mua, bán, sáp nhập, thuê và liên doanh), và việc thực hiện, sửa đổi, thanh lý và chấm dứt các hợp đồng đó, trừ những trường hợp mà theo quy định tại Điều 120.3 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn;
  - (d) Bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh được Công ty uỷ quyền là đại diện thương mại cho Công ty, và các luật sư của Công ty;
  - (e) Các khoản vay của Công ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc bồi thường của Công ty;
  - (f) Các khoản đầu tư nằm ngoài kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm có giá trị vượt quá 10% Vốn Điều lệ Công ty;
  - (g) Góp vốn, mua hoặc bán các cổ phần của các công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - (h) Định giá tài sản góp vốn vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm cả vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công

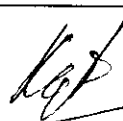


nghệ, bí quyết công nghệ, các loại chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật;

- (i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% của mỗi loại cổ phần;
  - (j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
  - (k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ Quản lý trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được ĐHĐCĐ thông qua.
  6. HĐQT có thể ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới và các Cán bộ Quản lý hành động nhân danh hoặc đại diện cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi HĐQT xem xét phải có sự suy xét và thận trọng, trừ các trường hợp được quy định khác bởi Luật pháp và Điều lệ này.
  7. Các thành viên của HĐQT có thể được phép hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT**

1. HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Nếu các Cổ đông đồng ý rằng Chủ tịch có thể kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, thì việc chấp thuận đó phải được gia hạn theo từng năm vào các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ và các buổi họp của HĐQT, và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền, Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt, vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày kể từ ngày từ chức.



**Điều 27. Thành viên HĐQT thay thế**

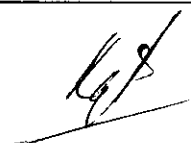
1. Bất kỳ thành viên nào của HĐQT có thể ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Bất kỳ việc ủy quyền một người khác dự họp thay thế phải được thực hiện theo hình thức thông báo gửi tới Công ty, được đa số thành viên HĐQT xác nhận chấp thuận hoặc được thực hiện theo một hình thức khác do HĐQT phê chuẩn.
2. Thành viên HĐQT thay thế có quyền nhận các thông báo triệu tập cuộc họp của HĐQT và tất cả các cuộc họp khác của HĐQT mà người chỉ định mình là thành viên để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp mà người chỉ định họ không có mặt, và được phép thực hiện các chức năng nhiệm vụ của người chỉ định với tư cách như thành viên HĐQT đã vắng mặt nhưng không được phép nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty cho việc thực hiện công việc như một thành viên HĐQT thay thế. Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về cuộc họp nói trên cho một thành viên HĐQT thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên HĐQT thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên HĐQT thay thế nếu người chỉ định người đó chấm dứt tư cách thành viên HĐQT nhưng nếu một thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là tái bổ nhiệm tại cuộc họp ĐHĐCĐ mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên HĐQT thay thế nào do thành viên đó thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên HĐQT chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do HĐQT phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên HĐQT trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên HĐQT đã chỉ định mình.

**Điều 28. Cuộc họp HĐQT**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

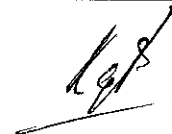


3. Họp bất thường. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:
- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Cán bộ Quản lý;
  - (b) Hai thành viên của HĐQT;
  - (c) Chủ tịch HĐQT; hoặc
  - (d) Đa số các thành viên BKS.
4. Các cuộc họp HĐQT quy định tại khoản 3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại khoản 3, Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
5. Theo yêu cầu của các kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn bạc về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.
6. Địa điểm họp. Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại Trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và Chương trình họp. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (5) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế.  
Cuộc họp của HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.  
Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định ở trên không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT.
9. Biểu quyết.
- (a) Theo quy định tại khoản 9 (b) của Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết.



- (b) Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp là về vấn đề mà thành viên đó mà không được phép biểu quyết.
- (c) Theo quy định tại khoản 9 (d) Điều này, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết nghị của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- (d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào liên quan tới hợp đồng theo quy định tại Điều 120.2 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.
12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch ít nhất một tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.
13. Họp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác. Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
- (a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- (b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời,

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông



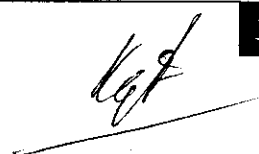
qua Điều lệ này hoặc được phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều lệ này từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công ty.

14. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:
- (a) Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
  - (b) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
  - (c) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng ban để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
  - (d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ

15. Biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và phải được ký nhận bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
16. Những người tham dự khác. Tổng Giám đốc, các Cán bộ Quản lý, và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.
17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.



Trường hợp có thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác..

## CHƯƠNG VIII

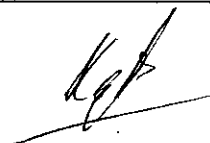
### TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ

#### **Điều 29. Tổ chức hoạt động**

Công ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty sẽ có Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể kiêm cả vị trí là thành viên của HĐQT, được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết của HĐQT.

#### **Điều 30. Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý và Thư ký Công ty**

1. Bổ nhiệm. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm Tổng Giám đốc, và ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với Tổng Giám đốc. Mức lương, thưởng, ưu đãi cho Tổng Giám đốc phải được báo cáo lên ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (3) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại điều 116.2, Luật Doanh nghiệp;
3. Quyền và trách nhiệm. Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:
  - (a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công ty được phê duyệt bởi HĐQT và ĐHĐCĐ;
  - (b) Quyết định các vấn đề không yêu cầu phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc đại diện cho Công ty tham gia các hợp đồng thương mại và tài chính, tổ chức và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - (c) Đề xuất số lượng và loại các Cán bộ Quản lý được bổ nhiệm và miễn nhiệm bởi HĐQT nếu cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý hiện đại, cơ cấu tổ chức hiện đại theo đề nghị của HĐQT, và tư vấn HĐQT trong việc xác định mức lương, thưởng, và các điều khoản khác trong chế độ lao động đối với các Cán bộ Quản lý;



- (d) Tham vấn HĐQT về số lượng nhân viên, mức lương, thưởng, chế độ, bổ nhiệm, chấm dứt, và các nội dung khác liên quan đến lao động;
  - (e) Trong thời gian sớm nhất có thể, trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
  - (f) Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm được phê duyệt bởi HĐQT và được ĐHĐCĐ thông qua;
  - (g) Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - (h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; và
  - (i) Được ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc thực hiện các quyền thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực lao động, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như: tuyển dụng, ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động và giải quyết các chế độ lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - (j) Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều lệ, nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Luật pháp.
4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.
5. Bãi nhiệm. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm tại kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.
6. Cán bộ quản lý:
- 6.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Tổng Giám đốc đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.



- 6.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
7. Thư ký Công ty:
- 7.1 HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
  - Làm biên bản các cuộc họp;
  - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
- 7.2 Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 31. Lao động**

- HĐQT quyết định tổng số nhân viên và quỹ lương của Công ty. Tổng Giám đốc sẽ, trong giới hạn đó, toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công ty. Đối với những vị trí quan trọng như Kế toán trưởng hoặc các vị trí khác được HĐQT xác định, Tổng Giám đốc phải có được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
- Lương, thưởng, và các chế độ khác của nhân viên được Tổng Giám đốc quyết định theo quy chế lương được HĐQT phê duyệt.
- HĐQT chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công ty. HĐQT có quyền dự thảo các quy chế nội bộ của Công ty ràng buộc tất cả các nhân viên của Công ty. Các quy chế này phải được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện.

## **CHƯƠNG IX**

### **NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi**

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;



- đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
  3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
  4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
    - (a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
    - (b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
    - (c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
  5. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những



thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

**Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý**

Thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**CHƯƠNG X**

**BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 35. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát**

1. Công ty sẽ thành lập Ban Kiểm soát khi có từ mười hai (12) cổ đông trở lên hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của Công ty.

2. Thành viên BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ này, chủ yếu bao gồm:
- (a) được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và tất cả các vấn đề liên quan tới hủy bỏ hoặc chấm dứt đối với kiểm toán viên độc lập;
  - (b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;
  - (c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo việc tham gia của các chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm và chuyên môn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - (d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo sáu tháng và báo cáo hàng quý trước khi đệ trình các báo cáo này lên HĐQT;
  - (e) Thảo luận các khó khăn và sai sót được phát hiện trong kết quả kiểm toán cũng như các vấn đề mà công ty kiểm toán muốn bàn bạc;
  - (f) Kiểm tra thư quản lý của các kiểm toán viên và thư trả lời từ Ban quản lý Công ty;
  - (g) Xem xét các báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT phê duyệt; và
  - (h) Xem xét kết quả kiểm tra nội bộ và trả lời từ Cán bộ quản lý.
3. Cổ đông nắm giữ tối thiểu đến 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Thành viên HĐQT, và Cán bộ Quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan tới hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS và thư ký phải đảm bảo rằng bản sao của tất cả các tài liệu tài chính và thông tin được cung cấp cho thành viên của HĐQT và biên bản các cuộc họp HĐQT, được cung cấp cho các thành viên của BKS vào cùng thời điểm với HĐQT.
5. Số lượng thành viên BKS phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. BKS phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;

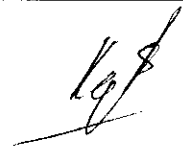
- (b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;
  - (c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
6. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động nhưng trong mọi trường hợp, BKS phải họp ít nhất 2 lần/năm, và số lượng thành viên tham dự tối thiểu phải là hai người.
  7. Thành viên BKS được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ là năm (5) năm. Việc tái bổ nhiệm thành viên BKS phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.
  8. Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
    - (a) Nếu thành viên đó bị Luật pháp cấm thực hiện vai trò thành viên BKS;
    - (b) Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở chính của Công ty;
    - (c) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;
    - (d) Nếu thành viên đó trong mười hai tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
    - (e) Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty.
  9. Thành viên của BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

## CHƯƠNG XI

### QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

#### **Điều 36: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 7.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ



khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

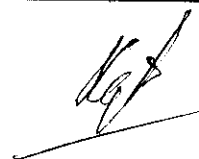
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## CHƯƠNG XII

### PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

#### Điều 37. Cổ tức

1. Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công ty có thể trả cổ tức cho các Cổ đông với điều kiện Công ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Luật pháp, cũng như đã nộp vào các quỹ, và ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đủ khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
2. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể trả cổ tức tạm thời nếu thấy rằng việc thanh toán đó là phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Theo đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ có thể phê duyệt việc trả cổ tức toàn bộ hoặc một phần bằng tài sản cụ thể (có thể là cổ phần đã mua hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết này.
5. Bất kỳ cổ tức hoặc khoản thanh toán nào bằng tiền mặt hoặc Cổ phần sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng nếu Công ty có chi tiết tài khoản của Cổ đông để Công ty có thể thực hiện việc chuyển khoản số tiền đó tới tài khoản của Cổ đông đó, hoặc bằng hình thức gửi séc tới địa chỉ của Cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông, nếu Công ty không có thông tin về tài khoản của Cổ đông.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông



- thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
7. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
  8. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, HĐQT bằng nghị quyết của mình có thể đặt ra một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ của hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó các cổ đông hoặc chủ sở hữu của các chứng khoán khác có quyền tới nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, cổ phần, thông báo hoặc bất kỳ tài liệu nào khác. Ngày khoá sổ có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước ngày thực hiện các quyền trên. Quy định này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên khi chuyển nhượng cổ phần hoặc các chứng khoán khác.
  9. Công ty sẽ thanh toán cổ tức cho Cổ đông Ưu đãi phù hợp với thời hạn và điều kiện ghi trong (các) chứng chỉ của Cổ phần Ưu đãi đó.

### CHƯƠNG XIII

#### TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

##### **Điều 38. Tài khoản Ngân hàng**

1. Công ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam phù hợp với Luật pháp.
2. Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài, nếu được yêu cầu.
3. Công ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản bằng tiền Việt nam hoặc ngoại tệ tại Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

4. Năm tài chính: Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

**Điều 39. Báo cáo và Hệ thống Kế toán**

1. Công ty sẽ thực hiện Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
2. Công ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.
3. Công ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công ty.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

**Điều 40. Đầu tư Tài chính trong tương lai**

1. Các Cổ đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công ty.
2. Công ty có thể tăng vốn, phát hành cổ phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 41: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

**CHƯƠNG XIV**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT**

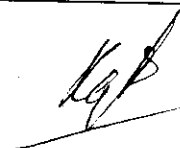
**Điều 42. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

1. Công ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Luật pháp và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này, và trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ phê duyệt cùng các tài liệu kèm theo lên cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Luật pháp Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển

- tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Báo cáo tài chính quý không phải kiểm toán.
  4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
  5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
  6. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng  
Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan có thẩm quyền theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

#### **Điều 43. Kiểm toán**

1. Tại ĐHQĐ thường niên sẽ lựa chọn một Công ty kiểm toán từ bốn công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu được cấp phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công ty chịu.
2. Công ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi hết năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao báo cáo kiểm toán sẽ được đính kèm và là một phụ lục của báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHQĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến



DHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**Điều 44. Con dấu**

1. HĐQT sẽ quyết định thông qua Con dấu chính thức của Công ty và HĐQT có thể xác định, phù hợp với quy định Luật pháp, nội dung của Con dấu.
2. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Luật pháp hiện hành.

**Điều 45. Báo cáo**

1. Công ty cho phép các Cổ đông hoặc thành viên của HĐQT thảo luận với các Công ty kiểm toán của Công ty về bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan tới việc kiểm toán của Công ty.
2. Cổ đông và thành viên HĐQT có quyền xem sổ sách kế toán của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào bằng một thông báo gửi tới Công ty trước ít nhất năm ngày làm việc.
3. Khi nhận được đề nghị, Công ty sẽ chuyển cho Cổ đông tất cả các tài liệu liên quan tới bất kỳ mục nào quy định trong Điều này.

**Điều 46. Bảo mật**

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, thì không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý, Cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- (a) Công ty thành viên của Công ty (nếu có); hoặc
- (b) Các Cổ đông theo như quy định tại Điều lệ này hoặc được quyết định của HĐQT; hoặc
- (c) Cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- (d) Các cổ đông hoặc giám đốc của Cổ đông (trường hợp cổ đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- (e) Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ cổ phần nào trong Công ty, với điều kiện

là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc

- (f) Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Luật pháp, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- (g) Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ đông liên quan.

## CHƯƠNG XV

### CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

#### Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - (a) Hết Thời hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;
  - (b) Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công ty theo quy định Luật pháp hiện hành;
  - (c) Chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - (d) Bị thu hồi, hủy bỏ Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - (e) Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật pháp trong thời gian liên tục sáu tháng liên tiếp; hoặc
  - (f) Các trường hợp khác theo quy định của Luật pháp.
2. Quyết định giải thể Công ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 158 của Luật Doanh nghiệp.

#### Điều 48. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi hết Thời hạn hoạt động của Công ty để các Cổ đông biểu quyết về việc gia hạn Thời hạn hoạt động của Công ty theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một nghị quyết có hiệu lực được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% số Cổ phần Phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 49. Thanh lý**

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi hết Thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý bao gồm ba (3) thành viên và phải đưa ra trách nhiệm của Ban Thanh lý. Hai (2) thành viên sẽ được chỉ định bởi ĐHĐCĐ và một (1) thành viên được chỉ định bởi HĐQT từ một công ty kiểm toán độc lập. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty
2. Ban Thanh lý chịu trách nhiệm báo cáo với phòng đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ khi đó, Ban Thanh lý sẽ đại diện Công ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Luật pháp.
4. Quá trình hoạt động của Ban Thanh lý không được kéo dài quá sáu (6) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành, thì Ban Thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 52 của Điều lệ này.

**Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- (a) Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- (b) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- (c) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

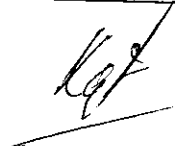
**CHƯƠNG XVI****THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP****Điều 51. Thông báo**

1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông.
2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:

- (a) nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
  - (b) nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba ngày sau ngày sau khi gửi (hoặc bảy ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt nam); hoặc
  - (c) nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
3. Trường hợp Cổ đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ đăng ký cổ đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
4. Công ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ đăng ký Cổ đông, và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ đông đó.

#### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp**

1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc các quyền của Cổ đông theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Luật pháp, giữa:
- (a) Cổ đông và Công ty; hoặc
  - (b) Cổ đông và HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý;
- thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp
2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), để có quyết định cuối cùng theo các quy định hiện hành của Quy tắc Trọng tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn theo hướng dẫn như sau:
- (a) Địa điểm: Hà Nội hoặc Khánh Hòa.
  - (b) Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt.
  - (c) Số lượng Trọng tài viên: Ba (3) trọng tài viên. Mỗi bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trọng tài viên, và trọng tài viên thứ ba sẽ được chỉ định bởi hai trọng tài viên đã được chỉ định, hoặc bởi VIAC, theo Quy tắc trọng tài VIAC, đóng vai trò chủ tịch hội đồng trọng tài.



- (d) Phán quyết: Phán quyết trọng tài sẽ là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
- (e) Chi phí: Chi phí phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp tại trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi được quy định khác theo phán quyết.
- (f) Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu tòa án (bao gồm cả tòa án nơi mà bên thua có tài sản) hoặc cơ quan tư pháp thi hành phán quyết trọng tài.

## CHƯƠNG XVII

### SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

#### Điều 53. Sửa đổi bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét và quyết định bởi các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ này.
2. Bất kỳ quy định Luật pháp nào liên quan tới hoạt động của Công ty mà không được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định Luật pháp mới ban hành mà trái với Điều lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và quy định hoạt động của Công ty.

#### Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 17 chương với 54 Điều và là bản Điều lệ hợp pháp và chính thức của Công ty, thay thế các bản trước đây. Điều lệ này được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 02 tháng 04 năm 2011 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Điều lệ này được làm thành bốn (04) bản gốc bằng tiếng Việt. Một bản gốc của Điều lệ sẽ được nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Các bản còn lại được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Bản sao hoặc trích lục của Điều lệ phải được ký bởi Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty thì mới có giá trị.

**CHỮ KÝ**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**NGUYỄN TRỌNG HIỀN**